

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 582/2024/DS-PT

Ngày: 19-11-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tòng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Bà Phạm Thị Thu Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Phấn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2024/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3982/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Trước Q, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số D, Tổ B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số A, Đường A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. **Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trước Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trước Q trình bày:

Bà đã cho ông Đ mượn tổng số tiền: 53.611.000 đồng (Năm mươi ba triệu sáu trăm mười một ngàn đồng), từ ngày 09/3/2023 đến ngày 02/05/2023, thời gian bà vào làm việc cho Cty TNHH XNK thực phẩm N. Bà đã cho ông Đ vay số tiền trên thành nhiều lần tại công ty, địa chỉ: 1, đường A, S, C, Bến Tre; tại quán café ở Chợ C, quán café gần cầu C- Bến Tre; chuyển khoản qua ngân hàng V; N1- Bến Tre và những lần đi công tác D, Cần Thơ. Ông Đ có hứa cuối tháng 6/2023, ông rút tiền gửi ngân hàng trả cho bà hết 1 lần nhưng đến nay ông Đ vẫn chưa trả tiền cho bà và ông vẫn không điện thoại cho bà để kéo dài thời gian trả tiền.

- Tổng số 53.611.000 đồng (Năm mươi ba triệu sáu trăm mười một ngàn đồng), bà đã cho ông Đ vay, bà không tính lãi suất.

- Bà và ông Đ có thống nhất về tiền vay bằng bảng kê ghi nợ (viết tay) do bà viết, có sự chấp thuận của ông Đ theo từng khoản vay trước đó (có nghĩa là ông Đ đã mượn tiền bà để trang trải chi phí công ty TNHH X xong rồi, bà ghi lại) và bà có gửi cho ông Đ qua Zalo, có nhắn tin là tổng số tiền ông đã vay bà, ông có xác nhận đồng ý: "OK em". Do điện thoại bà bị lỗi phần mềm lúc cuối tháng 05/2023, điện thoại được cài đặt lại, tin nhắn đã bị mất. Trên giấy photo, có chữ ký của ông Đ đến ngày 29/3/2023, còn những chi tiết mượn nợ sau đó ông chưa ký nhưng ông có xác nhận qua tin nhắn zalo (bà đã chụp hình bảng kê và đã gửi cho ông Đ).

- Còn chữ ký bằng bút bi màu xanh (viết tên Trước Q) là chữ ký của bà để xác nhận thông tin bà cung cấp.

Và dưới đây, Bà xin trình bày chi tiết sự việc cụ thể như sau:

+ Ngày 08/3/2023 đến ngày 17/3/2023: ông Đ đã mượn bà tổng cộng: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), chi tiết cụ thể như sau: sáng ngày 08/3/2023: ông Đ có mượn bà 5.000.000 đồng bằng hình thức: yêu cầu bà chuyển khoản cho anh nhân viên T (chức danh A) để tạm ứng tiền đi công tác ở An Giang, C - L-Cần Thơ, mục đích tìm nhà phân phối, mở rộng thị trường (phiếu đề xuất tạm ứng anh T (ASM) gửi qua zalo group gồm tôi, ông Đ, ông T được sự đồng ý của ông Đ. Giấy chuyển tiền qua ngân hàng V-CN Bến Tre, bà đã đưa ông Đ cập nhật vào chi phí Công ty. Bà không có giữ giấy photo. Sáng ngày 10/3/2023: ông Đ hỏi mượn bà 10.000.000 đồng (tại địa chỉ 164/13, đường A, S, C, Bến Tre). Bà chuyển khoản cho ông Đ mượn 3.000.000 đồng đi đám tang người thân của ông theo số giao dịch ngân hàng N2: 228DI01230694890; Còn 7 triệu đồng, bà đưa ông, nhưng ông kêu bà giữ để trả những khoản: sửa điện thoại của ông Đ, đồ xăng, phí trạm, café, ... khi đi công tác lên Daklak (đợt 1) cùng ông để khảo sát thị trường, tìm đất thuê thành lập Công ty và đi công tác ở Cần Thơ ngày 17/03/2023 để tìm kiếm nhà phân phối, mở rộng thị trường.

+ Chuyển công tác Daklak (đợt 2) thôn A, EARSUP, vào sáng ngày

24/3/2023 & 26/3/2023, ông yêu cầu bà đi công tác với ông để tìm đất thuê mở nhà máy sản xuất, mở siêu thị M. Tổng số tiền mượn 24/3-26/3/2023: 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm ngàn), cụ thể như sau: Sáng 24/3/2023 đổ xăng 500.000 đồng + 100.000 đồng + Phí trạm cả đi lẫn về: 400.000 đồng (đi từ Bến Tre - thôn A D và ngược lại). Chiều 24/3/2023: tiền mua cơm: 60.000 đồng, café 60.000 đồng đi công tác. Sáng 26/3/2023: trả tiền taxi: 50.000 đồng mã giao dịch: 228DN0223085D123. Ngày 25/3/2023: ông đã mượn tiền bà để đổ xăng: 500.000 đồng (ở trang photo, dòng thứ 2 từ trên xuống, bà có gạch dưới 500k, vì ghi sót nên bà thêm vào, bà đã cộng vào tổng tiền cuối trang photo). Ngày 26/3/2023: Ông Đúc mượn tiền bà đổ xăng: 500.000 đồng + 200.000 đồng. Ngày 17/3/2023, Ông Đ nhờ bà mua điện thoại (cũ) giá 1.400.000 đồng, bà có đưa ông sử dụng nhưng ông báo lỗi wifi bà đem đi bảo hành, nhận máy khác vào ngày 20/3/2023 nhưng ông không đưa tiền nên bà giữ lại (điện thoại chưa có sim, chưa có dữ liệu của Công ty ông). Số tiền này bà đã trừ qua tiền tạm ứng đặt nhân bao bì (2.000.000 đồng) cho Công ty X, C (do ông Đ làm chủ, làm giám đốc cty). Ông Đ đã yêu cầu khách hàng của ông (Cty thiết kế bao bì) gửi thông tin, tài khoản, hợp đồng giữa Cty ông với Cty bao bì qua zalo bà. Nhưng ông Đ không trả tiền cho bà mà kêu bà ghi cho ông nợ, rồi tháng 6/2023 ông sẽ trả luôn 1 lần.

+ Ngày 25/3/2023: Ông Đ nhờ bà trả tiền khách sạn cho Giám đốc đi công tác: 150.000 đồng + 30.000 đồng (nước uống).

+ Ngày 26/3/2023: ông nhờ bà trả tiền khách sạn cho nhân viên đi công tác: 150.000 đồng.

+ Ngày 25/3/2023: ông đã mượn bà 500.000 đồng để đưa tía nuôi (người mà ông gọi là Dượng 9 ở thôn A, E) đi mua bia uống với ông.

+ Chiều 27/3/2023: ông Đ đã mượn bà 500.000 đồng cho thằng Tí con ông.

- Ông đã nợ tiền lương tháng 03/2023: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), thực tế đây là chi phí tiền xăng bà đi làm, tiền ăn trưa, tiền café mà bà trả cho nhân viên hợp mỗi sáng từ ngày 01/3/2023 - 21/04/2023.

Ngày 08/3/2023, bà có chuyển khoản với số tiền là 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm ngàn đồng) cho ông để mua đơn hàng nước ngọt trà bí đao của Cty ông Đ sản xuất. Nhưng do sản phẩm bị lỗi, chưa uống được, ông không giao hàng hóa cho bà. Bà phải ghi ông nợ bà số tiền này. (Bà Q nộp tiền mặt bằng CMND, không có chứng cứ chuyển khoản).

* Doanh thu bán hàng sữa hạt, Cacao Ngày 26/3/2023: 1.319.000 đồng (Một triệu ba trăm mười chín ngàn đồng) → Tổng số tiền ông Đ đã mượn bà đến ngày 29/3/2023: 15 triệu + 10 triệu + 4,6 triệu + 2,1 triệu = 31.700.000 đồng (Ba mươi một triệu bảy trăm ngàn đồng) - 1.319.000 đồng (doanh thu bán hàng hóa cho ngày

26/3/2023) = 30.381.000 đồng (Ba mươi triệu ba trăm tám mươi một ngàn đồng).

- Ngày 31/3/2023: ông Đ đã vay tiền bà đưa cho người nhà đóng tiền điện, với số tiền: 2.000.000 đồng; ông đã mượn bà: 300.000 đồng để đổ xăng. Tổng cộng là 2.300.000 đồng

- Ngày 02/4/2023: ông Đ đã vay bà, số tiền là: 500.000 đồng

- Ngày 03/4/2023: ông Đ đã vay bà, số tiền là: 200.000 đồng

- Ngày 05/4/2023: ông Đ đã vay bà 4.000.000 đồng để trả tiền tạm ứng cho Cty thiết kế bao bì, bà đã chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của ông Đ (CN ngân hàng N3) mã số giao dịch: 228DI01230955633

- Ngày 06/4/2023: ông Đ vay bà số tiền 300.000 đồng để đổ xăng

- Ngày 07/4/2023: ông Đ đã vay bà 5.000.000 đồng để trả tiền cho Cty thiết kế nhân, bao bì cho N, C, bà đã chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của ông Đ (CN ngân hàng N3) mã số giao dịch: 228DI01230975677 →> Tổng số tiền ông Đ đã vay bà từ ngày 31/3/2023 - 07/4/2023: 12.300.000 đồng →> Chốt sổ tổng số tiền ông Đ đã vay bà đến ngày 09/4/2023 với ông Đ, tại quán café gần Cầu C: 42.681.000 đồng (Bốn mươi hai triệu sáu trăm tám mươi một ngàn đồng)

- Ngày 10/4/2023: ông Đ đã vay bà số tiền là: 200.000 đồng đổ xăng, 100.000 đồng (trả tiền rửa xe ô tô), 300.000 đồng tiền đổ xăng. Tổng cộng số tiền là: 600.000 đồng

- Ngày 17/04/2023: ông Đ đã vay bà số tiền là 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng) để trả lương cho Bé T1.

- Ngày 17/3/2023: ông Đ nhờ bà gọi điện mua vật liệu xây dựng: cát, gạch ống, xi măng để ông xây văn phòng Cty, công, ông vay bà số tiền: 1.830.000 đồng

- Ngày 11/4/2023: ông vay bà số tiền: 1.000.000 đồng để mua vật liệu xây dựng: cát, gạch ống, xi măng để ông xây văn phòng cty, công, bồn bông và nói cho bà thuê mặt bằng để buôn bán, nhưng khi xây xong, bà hỏi hợp đồng cho thuê và sổ đất photo chính chủ thì ông nói người nhà ông không đồng ý cho thuê.

- Ngày 02/5/2023: ông Đ vay bà số tiền là: 1.500.000 đồng để trả lương ông L tại cty cụ thể sau: (lương thực lãnh của ông L (480.000 đồng) = tiền lương 5 ngày công. (1000.000 đồng) - 200.000 đồng (tiền ông L vay ông Đ) - 200.000 đồng (tiền ông L vay bà) - 120.000 đồng (tiền ông L vay người nhà của bà). Và lúc 2h30, tại quán café gần cầu C, ông Đ đã nhận 700.000 đồng tiền mặt từ bà (tiền vay còn lại 500.000 đồng + 200.000 đồng cần trừ tiền ông L mượn ông Đ) => Tổng số tiền ông Đ đã vay bà đến ngày 02/5/2023 là: 53.611.000 đồng (Năm mươi ba triệu sáu trăm mười một ngàn đồng).

Trong 53.611.000 đồng thì bà Q có căn cứ cung cấp chuyển khoản cho ông Đ là 12.000.000 đồng, trong đó ngày 10/3/2023 chuyển khoản 3.000.000 đồng, ngày 05/4/2023 chuyển khoản 4.000.000 đồng, ngày 07/4/2023 là 5.000.000 đồng còn những số tiền còn lại bà Q cho mượn bằng mặt nhưng không làm giấy tờ gì.

Bà Q yêu cầu kiểm tra thêm số tài khoản của ông Nguyễn Văn Đ là 606120335400002 mở tại Ngân hàng N2.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Vào khoảng tháng 3/2023 ông có thuê bà Nguyễn Thị Trước Q vào làm việc tại công ty ông với vai trò là thư ký (Công ty X). Do trong thời gian này ông có nhiều việc phải đi công tác và đi lại nhiều mà chi phí nhỏ nhặt phát sinh ông có nói bà Q ghi lại rồi thanh toán cho ông. Khi ông nói ra như vậy thì ông có đưa tiền mặt cho bà Q cất giữ và chi ra hàng ngày, hàng tuần hoặc 10 ngày thanh toán lại cho ông, số tiền còn dư lại chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của ông và như vậy đến khi ông cho bà Q nghỉ việc. Tổng số tiền ông đưa cho bà Q là hơn 60.000.000 đồng chia làm nhiều lần, ông không nhớ ngày. Những gì bà Q đưa ra là vu không ông nên ông không thừa nhận số tiền nợ trên.

Ông cho rằng có đưa tiền cho bà Q mỗi lần từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ gì chứng minh. Ông thừa nhận là bà Q đi công tác về thì có chuyển tiền cho ông để hạch toán.

Nếu phần tiền bà Q chuyển tiền qua tài khoản ông mà bà Q cung cấp, nếu bà Q chứng minh được tài khoản mà bà Q trình bày đã chuyển tiền thì ông sẽ trả.

Người làm chứng ông Lưu Kim L trình bày:

Ông có làm nhân viên bảo vệ cho công ty của ông Đ từ ngày 11/4/2023 nhưng làm được 01 tuần, làm không ký hợp đồng, ông được trả 01 tuần được 1.250.000 đồng/tuần sau đó ông bệnh nên ông nghỉ luôn. Ông lãnh tiền, ông Đ không có tiền, ông Đ kêu bà Q cho mượn trả cho ông. Trả cho ông 600.000 đồng, còn 650.000 đồng chưa trả.

Ông Đ điện vật tư xây dựng lại công ty, ông Đ nói bà Q cho mượn tiền trả vật tư, bà Q lấy tiền ra trả. Ông nhớ lúc đó là ông Đ đưa 1.000.000 đồng và bà Q đưa 1.000.000 đồng cùng trả tiền vật tư.

Sau đó ông Đ mượn bà Q số tiền 1.800.000 đồng tiền vật tư, ông Đ nói bà Q cho mượn, kêu bà Q cho mượn và bà Q đưa tiền trả dùm luôn.

Tại quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2024/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trước Q; cụ thể

tuyên:

Buộc ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Trước Q số tiền là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Trước Q đối với yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ trả số tiền 41.611.000 đồng.

Ngoài ra, quyết định của bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/8/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trước Q kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, bà Q yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trước Q, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2024/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Trước Q; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trước Q cho rằng bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có vay tiền của bà nhiều lần từ ngày 08/3/2023 đến ngày 02/5/2023 với các lần vay cụ

thẻ như sau: ngày 08/3/2023 vay 5.000.000 đồng, ngày 10/3/2023 vay 10.000.000 đồng, từ ngày 24/3/2023-26/3/2023 vay 4.600.000 đồng, ngày 27/3/2023 vay 500.000 đồng, tiền lương tháng 3/2023 10.000.000 đồng, ngày 08/3/2023 vay 2.100.000 đồng, ngày 31/3/2023 vay 2.300.000 đồng, ngày 02/4/2023 vay 500.000 đồng, ngày 03/4/2023 vay 200.000 đồng, ngày 05/4/2023 vay 4.000.000 đồng, ngày 06/4/2023 vay 300.000 đồng, ngày 07/4/2023 vay 5.000.000 đồng, ngày 10/4/2023 vay 600.000 đồng, ngày 17/4/2023 vay 5.500.000 đồng, ngày 17/3/2023 vay 1.830.000 đồng, ngày 11/4/2023 vay 1.000.000 đồng, ngày 02/5/2023 vay 1.500.000 đồng. Tổng số tiền ông Đ đã vay của bà Q là 54.930.000 đồng, trừ đi doanh thu bán hàng ngày 26/3/2023 là 1.319.000 đồng, tổng số tiền ông Đ còn nợ bà Q là 53.611.000 đồng. Ông Đ hứa đến tháng 6/2023 sẽ trả cho bà Q số tiền trên nhưng không thực hiện nên bà Q khởi kiện yêu cầu ông Đ trả số tiền 53.611.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ cho rằng ông có đưa tiền cho bà Q nhiều lần với tổng số tiền 60.000.000 đồng để chi cho việc đi công tác, sau khi hạch toán các chi phí thì bà Q có chuyển số tiền dư còn lại cho ông. Ông Đ không có vay của bà Q nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Q.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đối với các khoản vay bà Q yêu cầu, bà Q cung cấp được cho Tòa án các phiếu Liệt kê chứng từ kèm phiếu hạch toán và Sao kê tài khoản khách hàng của Ngân hàng TMCP N2 thể hiện bà Q có thực hiện việc chuyển tiền vào số tài khoản 606120335400002, tên chủ tài khoản “NGUYEN VAN DUC” số tiền 3.000.000 đồng ngày 10/3/2023, 4.000.000 đồng ngày 05/4/2023 và 5.000.000 đồng ngày 07/4/2023. Theo Văn bản phản hồi thông tin số: 30/VB-NHNA-T.GIANG của Ngân hàng TMCP N2 Chi nhánh T3 thể hiện “Số tài khoản: 606120335400002 mở tại N3, chủ tài khoản: Nguyễn Văn Đ, địa chỉ: 1 Ấp C, S, TP B, tỉnh Bến Tre”, thông tin trên phù hợp với thông tin của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ. Như vậy, bà Q có thực hiện việc chuyển tiền cho ông Đ, ông Đ không cung cấp chứng cứ chứng minh số tiền bà Q chuyển vào tài khoản ông Đ không phải là tiền vay. Do đó, xét thấy lời trình bày của bà Q về việc có cho ông Đ vay số tiền 3.000.000 đồng ngày 10/3/2023, 4.000.000 đồng ngày 05/4/2023 và 5.000.000 đồng ngày 07/4/2023 là có căn cứ, ông Đ cho rằng không có vay của bà Q nhưng không có chứng cứ chứng minh. Ông Đ cũng không có kháng cáo đối với nội dung này.

Đối với số tiền 2.100.000 đồng bà Q cho rằng có nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của ông Đ vào ngày 08/3/2023, xét thấy theo Văn bản phản hồi thông tin số: 30/VB-NHNA-T.GIANG, Ngân hàng TMCP N2 Chi nhánh T3 cho biết ngày 08/3/2023 tài khoản của ông Đ không có phát sinh giao dịch nộp tiền 2.100.000

đồng vào tài khoản. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà Q đối với số tiền 2.100.000 đồng.

Đối với các lần vay còn lại, bà Q không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông Đ có vay tiền của bà. Về tờ giấy bà Q cho rằng là bảng kê ghi nợ thể hiện ông Đ thống nhất số tiền đã vay, xét thấy tờ giấy được viết tay, thể hiện các số tiền, tuy nhiên không có nội dung nào thể hiện ông Đ có vay tiền của bà Q, chữ ký trong bảng kê ghi nợ cũng không xác định được có phải của ông Đ hay không do bà Q không có yêu cầu giám định chữ ký. Về các bản photo hình ảnh chụp màn hình máy tính đoạn tin nhắn trên ứng dụng “Zalo” mà bà Q cho rằng ông Đ có xác nhận nợ cho bà, xét thấy các hình ảnh trên đều là bản photo chỉ mang tính chất tham khảo, không được xác định là chứng cứ theo Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Đ không thừa nhận có nợ bà Q và các tài liệu, chứng cứ do bà Q cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét các tài liệu, chứng cứ này.

Từ những nhận định trên, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, bà Q kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2024/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Q phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trước Q.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2024/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Căn cứ các Điều 147, 148, 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trước Q đối với ông Nguyễn Văn Đ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, cụ thể:

1.1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Trước Q về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ trả số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Trước Q số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Trước Q về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ trả số tiền 41.611.000 đồng (Bốn mươi một triệu sáu trăm mười một nghìn đồng).

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Trước Q phải chịu án phí là 2.080.500 đồng (Hai triệu không trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.340.000 đồng (Một triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004349 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, bà Nguyễn Thị Trước Q phải nộp tiếp số tiền 740.500 đồng (Bảy trăm bốn mươi nghìn năm trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) và có nghĩa vụ nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Trước Q phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002786 ngày 29/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tòng